TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** TỈNH G	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/7/2024.
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan và ông Nguyễn Bá Lý.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Nhớ - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh G.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 388/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/7//2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim D, sinh năm 1980.
- Bị đơn: Anh Phùng Chí C, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: 80 Tr.Ph, phường D, thành phố P, tỉnh G

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kim D có bản khai trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2003, chị D và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố P, tỉnh G. Sau đó vì cuộc sống hôn nhân không đạt anh chị đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 91/2010/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố P. Đến năm 2015, chị D và ông C muốn được hàn gắn tình cảm để chăm sóc con cái, nên cả hai tự nguyện cùng nhau đăng ký kết hôn lại lần hai vào ngày 04/7/2015, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 58 Quyển sổ

01/2015, do UBND phường D, thành phố P, tỉnh G. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên những năm trở lại đây anh Phùng Chí C thường xuyên không ở nhà, bỏ bê gia đình. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên răn nhiều lần để anh Phùng Chí C bỏ những tật xấu về lo cho vợ con, tuy nhiên anh C không nghe, vẫn chứng nào tật ấy. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài chị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phùng Chí C.

-Về con chung: Sau khi chị D với anh C tái hôn thì có sinh thêm cháu Phùng Minh K, sinh ngày 20/9/2015. Theo nguyện vọng của cháu K muốn được ở với chị D khi bố mẹ ly hôn và nguyện vọng của chị D cũng muốn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi thành niên. Riêng cháu Phùng Ngọc Kim N, sinh 09/10/2004, cháu đã trưởng thành, tự lập chị D không đề nghị giải quyết.

-Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không cần anh Phùng Chí C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị D tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn là anh Phùng Chí C, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng *(Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử)* cho anh C theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; anh C đã nhận được các văn bản tố tụng và có bản tự khai trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, cụ thể:

-Về hôn nhân: Năm 2003, tôi với bà Trần Thị Kim D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố P, tỉnh G. Sau đó vì cuộc sống hôn nhân không đạt cả hai đã tự nguyện thuận tình ly hôn. Đến năm 2015, cả hai cùng nguyện vọng quay lại để chăm sóc con cái, nên cùng đăng ký kết hôn lại tại UBND phường D, thành phố P, tỉnh G, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 58 Quyển số 01/2015, do UBND phường D, thành phố P, tỉnh G ký ngày 04/7/2015. Tuy nhiên cuộc sống lại một lần nữa không như mong đợi được hạnh phúc trọn vẹn, vì vậy bà D đã có đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với tôi. Tôi hoàn toàn nhất trí đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

-Về con chung: Sau khi cả hai quay lại với nhau đã có thêm 01 con chung là cháu Phùng Minh Ksinh ngày 20/9/2015. Nay bà D yêu cầu ly hôn và có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kthì tôi đồng ý giao cho bà D nuôi dưỡng. Riêng cháu Phùng Ngọc Kim N sinh 09/10/2004, cháu đã trưởng thành,

tự lập không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con thì tuỳ vào nguyện vọng của bà D yêu cầu, tôi không có ý kiến gì.

-Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Xét về tình cảm giữa chị D với anh C, chị D nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên không thể kéo dài và đề nghị được ly hôn với anh C là có căn cứ. Về con chung, xét về nguyện vọng của chị D, nguyện vọng của cháu Phùng Minh Kvà ý kiến phản hồi của anh C; vì vậy việc giao con chung Phùng Minh K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung, chị D và anh C không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm, giải quyết theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Trần Thị Kim D khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Phùng Chí C có địa chỉ tại thành phố P, tỉnh G. Đây là vụ án:*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị Trần Thị Kim D và anh Phùng Chí C đều đã có bản tự khai trình bày về ý kiến và cả hai đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội D: Chị D và anh C tự nguyện tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2015, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 58, Quyển sổ 01/2015, do Uỷ ban nhân dân phường D, thành phố P, tỉnh G cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình cảm giữa chị D và anh C cả hai sau khi tự nguyện đăng ký kết hôn để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng sau đó vì không có tiếng nói chung, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, hiện cả hai đều không có sự quan

tâm chăm sóc lẫn nhau, đến nay chị D không còn tình cảm yêu thương anh C, mâu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt dẫn đến chị D có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn anh C là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị D, anh C có hai con chung là cháu Phùng Ngọc Kim N, sinh ngày 09/10/2004 và Phùng Minh Khang, sinh ngày 20/9/2015. Theo nguyện vọng của cháu Kvà sự thoả thuận giữa chị D với anh C. Ly hôn cả hai đồng ý giao Phùng Minh Kcho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập. Riêng cháu Phùng Ngọc Kim N đã trưởng thành, tự lập không yêu cầu giải quyết.

[4].Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không cần anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh C đồng ý theo ý kiến chị D.

[5].Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy: Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

[6]. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng nguyên đơn phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)* và Danh mục án phí, lệ phí Toà án.

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim D.

Chị Trần Thị Kim D được ly hôn anh Phùng Chí C.

2. Giao con chung là Phùng Minh K, sinh ngày 20/9/2015 cho chị Trần Thị Kim D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên. Riêng cháu Phùng Ngọc Kim N, sinh ngày 09/10/2004 đã trưởng thành, tự lập không yêu cầu giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị Kim D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001582 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND TP. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- (UBND phường D, TP P,
Tỉnh G; Số 58, quyển số: 01/2015;
Ngày ĐK: 04/7/2015).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà